



HIỂM HỌA ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN Ở VIỆT NAM

Gần đây liên tiếp xảy ra các vụ động đất, sóng thần khiến không ít người dân hoang mang lo sợ. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, phóng viên Bản tin KHCN đã có cuộc phỏng vấn PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương -PGĐ Trung tâm Báo tin động đất và cảnh báo sóng thần xung quanh vấn đề này.

Phóng viên (PV): Động đất, sóng thần là thiên tai mang đến nỗi sợ hãi lớn. Ông giải thích hiện tượng này như thế nào?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Động đất là hiện tượng nền đất đang rung động nhẹ trở nên chấn động mạnh dữ dội do sự dịch chuyển đột ngột của các lớp đất đá bên dưới bề mặt Trái Đất gây ra. Sự dịch chuyển đột ngột dọc theo các đứt gãy địa chất trong các lớp rắn và cứng của vỏ Trái Đất tạo ra các trận động đất kiến tạo. Còn các động đất sinh ra do sự phun trào các dòng nham thạch từ miệng núi lửa được gọi là các động đất núi lửa.

Những trận động đất mạnh xảy ra ở ngoài biển thường có khả năng gây ra sóng thần. Sóng thần là một chuỗi các đợt sóng lớn có bước sóng dài được sinh ra do các biến động địa chất mạnh mẽ xảy ra ở đáy biển và đại dương tại gần bờ hoặc ngoài khơi. Khi sự di chuyển đột ngột của các cột nước lớn xảy ra, hoặc đáy biển đột ngột nâng lên hay hạ xuống do tác động của động đất, sóng thần được hình thành dưới tác động của trọng lực. Các đợt sóng nhanh chóng lan truyền trong môi trường nước và trở nên vô cùng nguy hiểm với khả năng tàn phá lớn khi chúng tiến vào bờ biển nông.



PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương

Động đất và sóng thần được biết đến như là hai dạng thiên tai cực kỳ nguy hiểm, đã gây ra những

(xem tiếp trang 2)

Ý KIẾN NHÀ KHOA HỌC

CÔNG BỐ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG ĐIỀU NÊN TRÁNH

Công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu khoa học phán ánh mức độ đóng góp vào tri thức toàn cầu của đội ngũ khoa học đang làm việc tại các quốc gia. Để đánh giá chất lượng các bài báo đã công bố và chất lượng của tạp chí, hiện nay trên thế giới đang sử dụng rộng rãi hai chỉ số là số lần trích dẫn (citation) của bài báo và hệ số ảnh hưởng (impact factor) của tạp chí. Hai chỉ số này cũng được các nhà quản lý và giới khoa học ủng hộ và sử dụng rộng rãi để đánh giá trình độ của các nhà khoa học cũng như để xem xét trao tặng các giải thưởng hay hỗ trợ kinh phí nghiên cứu. Tuy nhiên các nhà khoa học cũng đồng thời chỉ ra các mặt trái và những hạn chế của cách đánh giá này.

Để thông tin cho bạn đọc về vấn đề này, Bản tin KHCN xin đăng bài dịch toàn văn bài viết của GS. Reinhard Werner (Đức) đăng trên tạp chí Nature và trích dẫn một số ý kiến của nhà khoa học và quản lý khoa học ở Việt Nam đã đăng trên tạp chí Tia Sáng.

GS. Reinhard Werner: Chú trọng đo lường thư mục làm cho bài báo khoa học kém hữu dụng

Làm thế nào để nhận biết một nhà khoa học giỏi? Có cả một "ngành công nghiệp" – đo lường thư mục (bibliometric) giúp ta tin rằng rất dễ làm điều đó: đếm các bài báo, sắp xếp chúng theo các chỉ số ảnh hưởng của các tạp chí, và đếm tất cả các trích dẫn.

Các nhà quản lý và làm chính sách khoa học có vẻ đặc biệt thích cách đánh giá "chất lượng khoa học" này. Nhiều nhà khoa học chấp nhận và sử dụng cách đánh giá này trong việc quyết định tuyển dụng cán bộ nghiên cứu và hỗ trợ kinh phí nghiên cứu. Họ bị thu hút bởi tính được cho là khách quan của phương pháp đo lường thư mục. Quả thật, đôi khi chúng ta cũng nghe nói đến việc các nhà khoa học cần phải sẵn sàng áp dụng các phương pháp khoa học để đánh giá đầu ra của chính mình. Tuy nhiên, các nhà khoa học cũng biết rằng, không có khoa học tốt từ các số liệu tồi. Hơn nữa, chúng ta đang được độc đoán đánh giá chất lượng số liệu thô của đo lường thư mục, bởi vì chính chúng ta tạo ra số liệu đó theo hành vi trích dẫn của chúng ta.

Giả định cơ bản của phương pháp đo lường thư mục là: bằng cách trích dẫn, thì các nhà khoa học thực ra đang tham gia vào một cuộc thăm dò diễn ra liên tục để bình chọn các bài báo khoa học có chất lượng tốt nhất. Nhưng chính chúng ta biết lí do thực sự vì sao

(xem tiếp theo trang 5)

TRONG SỐ NÀY Tr.6	Tìm thấy hạt Fermion Weyl không có khối lượng sau 85 năm	Tr.3
	Khảo sát thực địa hợp tác Việt - Mỹ năm 2015	

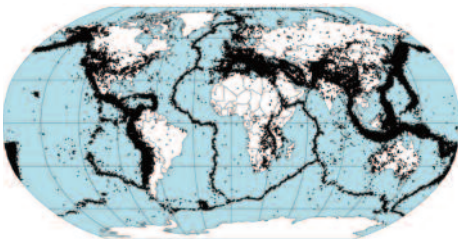
Hiểm họa....

(tiếp theo trang 1)

thiệt hại rất lớn về người và của. Có lẽ đó chính là nguyên nhân gây nên nỗi sợ hãi của loài người trên toàn thế giới.

PV: Trên thế giới, có những nước nằm trong vùng thường xuyên xảy ra động đất sóng thần như Nhật Bản và một số nước khác, tức là có phân biệt vùng và quy luật?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Nguyên nhân sâu xa của động đất là sự giải phóng ứng suất từ trong lòng Trái Đất ra ngoài thông qua các kẽ nứt trên lớp vỏ rắn của Trái Đất. Các kẽ nứt này là các đứt gãy kiến tạo có kích thước từ hàng vài trăm đến vài nghìn ki lô mét, thường là ranh giới giữa các mảng kiến tạo có kích thước của các châu lục. Vì vậy, một trong những quy luật đã được biết đến rộng rãi là các chấn tâm động đất mạnh và các họng núi lửa lớn thường tập trung trên những đới hẹp và kéo dài gọi là các vành đai động đất, hay còn gọi là các vành đai lửa trên bề mặt Trái Đất. Ba vành đai động đất lớn nhất hành tinh là vành đai Thái Bình Dương, vành đai Địa Trung Hải – Himalaya và vành đai sống núi giữa Đại Tây Dương kéo dài theo dải núi ngầm từ Bắc Băng Dương, qua Đại Tây Dương, xa mãi về phía Nam (Hình 1).



Hình 1. Chấn tâm động đất trên thế giới và các vành đai lửa (Nguồn: NASA).

Các quốc gia thường xuyên phải chịu sự tàn phá của động đất, sóng thần và núi lửa chính là những quốc gia nằm trùng lên trên các vành đai lửa đó.

PV: Việt Nam cũng đã nhận được nhiều cảnh báo về động đất và đã có xảy ra nhưng ở mức độ nhẹ. Nguy cơ có vẻ không lớn như các nước nhưng điều đó cũng không có nghĩa là chúng ta có thể chủ quan. Vậy ông nghĩ như thế nào về những nguy cơ động đất ở Việt Nam?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Việt Nam nằm ngoài các vành đai lửa đã mô tả ở trên và do đó có thể tránh được những trận động đất hay sóng thần hủy diệt. Tuy vậy, trên lãnh thổ Việt Nam và khu vực Biển Đông cũng tồn tại các đới đứt gãy hoạt động có khả năng phát sinh động đất, núi lửa

và sóng thần. Những trận động đất mạnh nhất ghi nhận được trên lãnh thổ Việt Nam đã từng xảy ra trên vùng tây bắc đất nước. Động đất Điện Biên năm 1935 xảy ra trên đới đứt gãy Điện Biên-Lai Châu và động đất Tuần Giáo năm 1983 xảy ra trên đới đứt gãy Sơn La đều có độ lớn lên tới 6,8 độ. Trên thêm lục địa Nam Trung Bộ, năm 1923 đã xảy ra trận động đất có độ lớn 6,1 độ được phát sinh do sự phun trào của núi lửa Hòn Tro. Tóm lại, nguy cơ xảy ra động đất ở Việt Nam là hiện hữu và chúng ta vẫn cần phải có những hiểu biết và biện pháp cần thiết để ứng phó với hiện tượng này trong cuộc sống.

PV: Thủy điện Sơn La từng được cảnh báo nếu có động đất thì vỡ đập tràn và Hà Nội sẽ ngập trong biển nước. Thông tin này từng gây hoang mang cho dân chúng khi xây thủy điện Sơn la. Ông có thể chia sẻ thêm thông tin về vấn đề này?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Kinh nghiệm thế giới cho thấy động đất mạnh có thể gây vỡ đập và dẫn đến những thiệt hại về người và tài sản. Tuy nhiên, hiểm họa này có thể ngăn ngừa bằng các biện pháp khoa học kỹ thuật như thiết kế kháng chấn cho các đập thủy điện để có thể chống chọi lại với những rung chấn mạnh nhất do động đất gây ra trong suốt vòng đời của công trình. Điều này đã được minh chứng đối với nhiều công trình thủy điện trong và ngoài nước, trong đó có thủy điện Sơn La.

PV: Theo ông, khu vực nào là nguy hiểm và nhiều nguy cơ nhất? Chúng ta có phương án ứng phó với thiên tai này như thế nào?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Trên lãnh thổ Việt Nam, miền Bắc Việt Nam có độ hoạt động động đất mạnh liệt nhất, cả về tần suất phát sinh lẫn độ lớn. Động đất mạnh nhất trên lãnh thổ Việt Nam được ghi nhận trên vùng tây bắc và được phát sinh chủ yếu do các đới đứt gãy kiến tạo hoạt động. Trên khu vực miền Trung, phần lớn động đất ghi nhận được có nguồn gốc kích thích, tức là được phát sinh do hệ quả của hoạt động tích nước hồ chứa tại các công trình thủy điện. Còn ở miền Nam nước ta, động đất xảy ra thưa thớt hơn trên phần lãnh thổ, nhưng lại xuất hiện dưới dạng các chuỗi động đất xảy ra ở ngoài khơi, dọc theo các đới đứt gãy Kinh tuyến 1090, Cửa Long-Côn Sơn và Thuận Hải – Minh Hải nằm trên thềm lục địa Nam Trung Bộ.

Cơ sở của công tác ứng phó với động

đất và sóng thần là các Quy chế của Chính phủ, bao gồm Quy chế của Thủ tướng Chính phủ về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần (16/11/2006), Quy chế của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống động đất – sóng thần (29/05/2007) và gần đây nhất là Quy định của Thủ tướng về cấp độ rủi ro thiên tai (2014). Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần được thành lập ngày 04/09/2007 là cơ quan duy nhất ở Việt Nam chịu trách nhiệm ra các thông báo về động đất và sóng thần. Ngay sau khi ra đời, Trung tâm Báo tin động đất và Cảnh báo sóng thần đã đại diện cho Việt Nam trở thành một thành viên chính thức của Hệ thống cảnh báo sớm và giảm thiểu thiệt hại do sóng thần khu vực Thái Bình Dương (PTWS).

Đây là hệ thống cảnh báo sóng thần lớn nhất thế giới do tổ chức UNESCO lập ra, với 43 nước thành viên tham gia, trong đó có Việt Nam. Các hoạt động cảnh báo sóng thần ở Việt Nam được phối hợp chặt chẽ với hai Trung tâm cảnh báo sóng thần đầu não của hệ thống là Trung tâm Cảnh báo sóng thần Thái Bình Dương của Mỹ và Trung tâm tư vấn sóng thần Tây Bắc Thái Bình dương của Cục Khí tượng thủy văn Nhật Bản.

PV: Theo TS, Việt Nam có nằm trong các đới đứt gãy gây ra những trận động đất lớn không? Các nhà khoa học của Viện có cảnh báo gì cho những năm tới? Và đặc biệt là có thể dự báo được thời điểm và địa điểm xảy ra động đất?

PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương: Như đã nói ở trên, Việt Nam không nằm trên “vành đai lửa” của các chấn tâm động đất mạnh trên thế giới, nên có thể sẽ không phải chịu thiệt hại từ những trận động đất hủy diệt. Tuy nhiên, những trận động đất có độ lớn trung bình xảy ra với tần suất cao hơn trên đất nước vẫn có thể gây thiệt hại về người và tài sản. Trong những năm tới, hoạt động động đất chắc chắn sẽ không hề giảm, đặc biệt là tại các khu vực có các đới đứt gãy hoạt động đã biết hay tại các khu vực có các công trình thủy điện của đất nước. Do khoa học thế giới hiện nay vẫn không thể dự báo được chính xác thời điểm xảy ra động đất, các biện pháp phòng chống và giảm thiểu thiệt hại do động đất và sóng thần gây ra cần phải được đặc biệt chú trọng.

Xin trân trọng cảm ơn ông!

Nam Phương thực hiện

Hội thảo "Thúc đẩy hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam"

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và công nghệ, các nhà khoa học của Viện Hàn lâm KHCNVN nỗ lực đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong đó việc nộp đơn và được cấp giấy chứng nhận bảo hộ cho các kết quả nghiên cứu của Viện tăng lên đáng kể.

Cho đến nay, Viện đã có khoảng trên một trăm kết quả nghiên cứu được công nhận sở hữu trí tuệ; đặc biệt trong 5 năm gần đây đã có 33 bằng sáng chế và 26 giải pháp hữu ích; trên 120 sản phẩm có khả năng thương mại hóa ở các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, y tế, môi trường... Vì vậy, để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đã được Đảng và Nhà nước giao phó với mục tiêu thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, bảo hộ và khai thác hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Chiều 13/7/2015, Viện Hàn lâm KHCNVN phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH-CN tổ chức hội thảo "Thúc đẩy hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm KHCNVN".

Chủ trì Hội thảo: GS.TSKH Dương Ngọc Hải, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN, PGS.TS. Nguyễn Hoài Châu, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, TS. Phạm Hồng Quất, Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH-CN Bộ KH-CN

Tham dự hội thảo có các lãnh đạo và các nhà khoa học của các đơn vị thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN; các nhà khoa học nhiều lĩnh vực ngoài Viện Hàn lâm KHCNVN đã tham gia khóa học tại Vương quốc Anh trong quỹ Newton.

Hội thảo đã được nghe rất nhiều các báo cáo, tham luận và đặc biệt là sự chia sẻ kinh nghiệm từ các nhà khoa học, các nhà quản lý và các doanh nghiệp đã có thành công trong hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ. Với mục tiêu của hội thảo là tạo cơ hội tiếp cận kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giữa các nhà khoa học trong Viện với các doanh nghiệp KH-CN đã được đào tạo thông qua quỹ Newton, sự gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu KH-CN với thực tiễn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Mặc dù hoạt động chuyển giao công nghệ đã được tăng cường, song thương mại hóa công nghệ vẫn còn yếu do chưa quản lý được các tài sản trí tuệ, các tác giả tự chuyển giao kết quả nghiên cứu. Nhiều sáng chế công nghệ chưa hoàn thiện, đòi hỏi một quá trình đầu tư lâu dài mới có thể ứng dụng, triển khai thương mại được. Một số tác giả sáng chế quá thận trọng trong việc hợp tác và vẫn chưa sẵn sàng chuyển giao công nghệ. Họ muốn nhanh chóng thu lợi ích từ việc chuyển giao sáng chế công nghệ, không muốn hợp tác chung tay phát triển công nghệ với nhà đầu tư. Phát biểu tại hội thảo PGS.TS Phan Tiến Dũng-Phó trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ cũng đã nhấn mạnh trong thời gian tới chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đặc biệt xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ của Viện Hàn lâm KHCNVN.

Nam Phương

KHẢO SÁT THỰC ĐỊA HỢP TÁC VIỆT - MỸ NĂM 2015

Từ ngày 05/3/2015 - 12/3/2015, Viện Địa chất và Địa vật lý biển thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN đã thực hiện chuyến khảo sát thực địa trên biển mang ký số CGS-02. Đây là chuyến khảo sát thực địa được lập trong kế hoạch của nhiệm vụ hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với Hoa Kỳ "Nghiên cứu động lực thủy văn, xâm nhập mặn và vận chuyển trầm tích của hệ thống sông Cửu Long và động lực ven bờ, bao gồm cả bán đảo Cà Mau" do ThS.



Hình 1: Vị trí các trạm đo môi trường trên khu vực nghiên cứu

Nguyễn Trung Thành làm chủ nhiệm. Chuyến khảo sát với sự tham gia của các cán bộ khoa học của Viện Địa chất và Địa vật lý biển,



Ảnh: Triển khai ống phóng trọng lực lấy mẫu trên tàu

Trường Đại học tổng hợp Washington và Trường Đại học tổng hợp North Carolina (Hoa Kỳ). Vùng khảo sát là khu vực biển ven bờ từ

tỉnh Trà Vinh đến tỉnh Bạc Liêu. Trong chuyến khảo sát các cán bộ khoa học đã tiến hành các công việc sau:

1. Đo đạc các yếu tố động lực và môi trường biển theo các trạm mặt rộng (hình 1). Các yếu tố này bao gồm nhiệt độ, độ mặn nước biển và độ đục trong nước biển.

2. Triển khai các trạm đo cố định trên biển để đo các dòng chảy, nhiệt độ, độ muối trên biển, sử dụng tháp ba chân trên đó có gắn các thiết bị máy đo dòng chảy ADCP, máy đo LISST đo kích thước hạt trong môi trường nước, máy đo nhiệt muối, độ đục. Trạm này được thả xuống đáy biển thực hiện đo trong một ngày để thực hiện một chu trình thủy triều khép kín.

3. Lấy mẫu địa chất: Sử dụng ống phóng Casten corer để thực hiện lấy các cột mẫu trầm tích trong khu vực nghiên cứu.

Chuyến khảo sát đã thu thập được một lượng số liệu lớn về các mẫu trầm tích đáy biển và đo đạc các thông số môi trường biển (độ muối, độ đục) và các tham số động lực như dòng chảy, hướng dòng chảy biến động theo pha thủy triều. Đây là bộ số liệu có giá trị cao trong nghiên cứu động lực trầm tích, xu hướng vận chuyển và tích tụ trầm tích theo chu kỳ dài (nghìn năm), chu kỳ ngắn (trăm năm, vài chục năm) và xu hướng vận chuyển trầm tích tại vùng biển ven bờ. Nhưng kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần nâng cao dự báo tương lai của đồng bằng châu thổ Sông Cửu Long trong điều kiện hiện tại và các diễn biến biến đổi khí hậu và các tác nhân của con người từ phần trên thượng nguồn đến hạ nguồn.

Nguồn: Viện Địa chất và Địa vật lý biển

Bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị trực thuộc

Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã ký các Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thành viên, bao gồm các đồng chí sau:

1. Bổ nhiệm ông Lê Duy Thạc, Tiến sỹ, Phó Viện trưởng Viện Cơ học và Tin học ứng dụng giữ chức Quyền Viện trưởng Viện Cơ học và Tin học ứng dụng theo Quyết định số 972/QĐ-VHL ngày 22/6/2015.

2. Bổ nhiệm ông Trịnh Văn Tuyên, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Phó Viện trưởng Viện Công nghệ môi trường giữ chức Viện trưởng Viện Công nghệ môi trường theo Quyết định số 1071/QĐ-VHL ngày 29/6/2015.

3. Bổ nhiệm ông Nguyễn Trường Thăng, Tiến sỹ, Phó Viện trưởng Viện Công nghệ thông tin giữ chức Viện trưởng Viện Công nghệ thông tin theo Quyết định số 1068/QĐ-VHL ngày 29/6/2015.

Nguồn: TCCB-Viện Hàn lâm

Hội thảo "Hoạt động Thông tin khoa học công nghệ"

Nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trong Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, từ ngày 24 - 26/06/2015, Trung tâm Thông tin – Tư liệu đã tổ chức Hội thảo thường niên về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ tại Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Chủ trì Hội thảo: PGS.TS. Nguyễn Hồng Quang, Giám Đốc Trung Tâm Thông tin - Tư Liệu.

Tham dự hội thảo có ThS. Trần Văn Ngọc, Phó Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính; ThS. Nguyễn Quang Vinh, Phó Chánh Văn phòng; TS. Vũ Thị Thu Lan, Phó Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ cùng đại diện Lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc Viện, đại diện một số doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, cung cấp thông tin khoa học như Elsevier, Spinger, Igroup,...

Hội thảo đã được nghe các báo cáo, tham luận về tình hình hoạt động thông tin khoa học công nghệ (TTKHCN) tại Viện Hàn lâm KHCNVN và đặc biệt là sự chia sẻ kinh nghiệm từ các nhà khoa học, các nhà quản lý và các doanh nghiệp đã có thành công trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (TTKHCN).

Phát biểu tại Hội thảo, ThS. Trần Văn Ngọc, Phó trưởng Ban Kế hoạch tài chính đại diện cho Viện Hàn lâm KHCNVN nhấn mạnh tầm quan trọng của TTKHCN đối với công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ tại Viện Hàn lâm KHCNVN, vai trò của TTKHCN đối với các nhà quản lý từ đó nêu bật trách nhiệm đối với Trung Tâm Thông tin - Tư liệu là đầu mối thông tin của Viện Hàn lâm KHCNVN. Trong những năm qua Trung Tâm Thông tin - Tư liệu đã có một số đổi mới trong hoạt động thu thập, lưu trữ và phổ biến TTKHCN, đã đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên còn rất nhiều vấn đề nảy sinh, những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động TTKHCN. Hội thảo sẽ là nơi để các diễn giả và các cán bộ tiếp xúc, trao đổi



thông tin nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả của hoạt động TTKHCN. Phát biểu kết luận hội Thảo, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quang cảm ơn sự có mặt và đóng góp ý kiến của các vị đại biểu, đặc biệt là sự chuẩn bị chu đáo các bài viết của các báo cáo viên. Thay mặt Trung Tâm TTTL, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quang ghi nhận và tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đại biểu, đồng thời hy vọng Hội thảo sẽ là nơi gặp gỡ, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động TTKHCN.

Vân Nga - Hữu Hào

Công bố quốc tế và (Tiếp theo trang 1)

chúng ta trích dẫn: trích dẫn chủ yếu là để tham khảo các kết quả của người khác, tham khảo công trình hay phương pháp trước đây của chính mình, để người ta tin vào phần kết quả liên quan đến cùng một mục tiêu, để hỗ trợ giải thích một thuật ngữ nào đó, để tìm đọc cơ sở xuất phát của những ý tưởng ít quen thuộc và đôi khi là để chỉ trích phê phán.

Còn có cả những lý do kém ngay thẳng hơn, như: để giúp tăng thống kê trích dẫn của bạn bè; để thỏa mãn những phản biện chặt chẽ; và cả để gây ấn tượng rằng có cả một cộng đồng quan tâm đến vấn đề này bằng cách nhồi vào phần giới thiệu chung các trích dẫn không thực sự liên quan mà thường là được xào xáo lại từ các bài báo trước đó. Chẳng có trích dẫn nào trong số đó – dù vì lý do tốt hay xấu đi nữa – thể hiện ý kiến cho rằng bài báo đó là một thành tựu khoa học đáng kể. Hậu quả là, các bài báo được trích dẫn nhiều thường chứa đựng các khái niệm hoặc các phương pháp phổ biến (nếu không phải thì cũng không mấy ấn tượng). Nếu bạn có một bài báo yêu thích và được trích dẫn nhiều, thì hãy lấy nó là một ví dụ nghiêm túc để kiểm chứng 20 trích dẫn ngẫu nhiên. Chúng thường ít chứa sự đánh giá về chất lượng bài báo.

Để cho chắc, thì việc tuyển người cho một vị trí công việc có tính hàn lâm dựa chủ yếu theo tiêu chí thống kê trích dẫn hoặc số bài báo trong các tạp chí có ảnh hưởng lớn sẽ cho kết quả tốt hơn so với việc tung đồng xu. Nhưng, cách làm đó không nhìn thấy sự khác biệt giữa một người sáng tạo đề ra một kế hoạch nghiên cứu (và sẽ tiến hành nó trong mười năm tới) với một người chỉ xay ra những bài báo trong một lĩnh vực hẹp, hợp mốt.

Nhiều hiệu ứng tiêu cực của phương pháp đo lường thư mục phát sinh không phải từ việc sử dụng nó, mà từ dự đoán rằng: nó sẽ được sử dụng. Khi chúng ta tin rằng chúng ta sẽ được đánh giá theo các tiêu chí "ngớ ngẩn", thì chúng ta sẽ đối phó và hành xử theo cách "ngớ ngẩn". Ví dụ, khi chỉ số ảnh hưởng của tạp chí bắt đầu được nghiêm túc lấy làm thương hiệu có danh tiếng thì một bài báo có thể bị biến thể cho phù hợp với khuôn mẫu của tạp chí đó, đồng nghĩa với việc phong cách viết của bài báo này bị thay đổi.

Ví dụ, khi tách Physical Review Letters (PRL) từ Physical Review, là người ta có chủ định cho phép xuất bản nhanh hơn các thông báo ngắn, mà trước đó vốn chỉ là những thư không phản biện gửi tới ban biên tập của tạp chí Physical Review. Với định dạng này chỉ số ảnh hưởng cao để đạt được hơn, do đó "danh tiếng" đã dịch chuyển từ các tạp chí dạng chuẩn sang dạng thư. Mặc dù, chẳng có lý do gì để coi bài báo ngắn hơn có tính khoa học tốt hơn bài dài, nhưng nhiều tác giả bây giờ thích thú cắt xéo bài báo của mình để đáp ứng giới hạn số trang của PRL, làm cho bài báo khó đọc hơn và kém hữu dụng hơn.

Một ví dụ khác là cách mà tạp chí Nature đã trở thành tạp chí hàng đầu đối với các nhà vật lý thực

nghiệm. Với số lượng đồng đảo các nhà khoa học về sự sống sử dụng nhiều trích dẫn hơn các nhà vật lý, do đó chỉ số ảnh hưởng của tạp chí Science và Nature (vốn đề cập đến tất cả các ngành), dễ dàng đánh bại chỉ số ảnh hưởng của bất kỳ tạp chí Vật lý nào không phải là tạp chí tổng quan.

Mặc dù chỉ số ảnh hưởng cao hơn, song không có lý do gì để một bài báo viết cho đối tượng độc giả chung lại có giá trị khoa học hơn so với một bài có thảo luận kỹ thuật chuyên sâu. Trong thực tế, khi công bố cho đối tượng độc giả chung như thế, các tác giả thường loại bỏ những phần khó, không đưa những thuật ngữ kỹ thuật vào tiêu đề bài báo, và phóng đại những kết luận của họ bằng ngôn ngữ chung.

Chúng ta có thể làm gì? Rất đơn giản, cá nhân các nhà khoa học phải chống lại xu hướng làm cho phương pháp đo lường thư mục trở thành ván đờ trung tâm cho quá trình ra quyết định. Và chúng ta phải làm cái đó công khai, có lẽ bằng cách nói rõ trong thông báo tuyển dụng rằng các bài báo sẽ được đánh giá bởi giá trị khoa học chứ không phải bằng chỉ số ảnh hưởng của tạp chí. Một khi quyết định tuyển dụng được thực hiện, chúng ta nên chống lại cám dỗ để biện minh nó bằng cách nói kết quả đo lường thư mục của ứng cử viên cho các nhà quản lý. Điều này chỉ giúp củng cố ý kiến tai hại rằng: quyết định tuyển dụng có thể do nhà quản lý định đoạt ở vòng đầu, và sẽ khó biện minh hơn cho những quyết định không theo số liệu đo lường ở vòng tiếp theo.

Khi sự thống trị của đo lường thư mục càng xiết mạnh, thì nó sẽ có một ảnh hưởng tai hại đến hình mẫu khoa học đối với các nhà nghiên cứu trẻ. Ví dụ, một sinh viên thạc sĩ của tôi đã chuyển đến làm nghiên cứu sinh ở một viện nghiên cứu nổi tiếng. Giống như nhiều viện nghiên cứu, viện này cũng tự hào về thành tích công bố trong các tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao. Người ta đã nói với sinh viên của tôi rằng: "Nếu anh không thể viết được kết quả nghiên cứu của mình ở dạng để đăng trên Nature hay Science hay Physical Review Letters, thì đừng bận tâm, thậm chí làm điều đó". Lời khuyên như thế, được dẫn dụ bởi tính hấp dẫn của các số liệu đo đếm đối với các nhà tài trợ, là phổ biến nhưng lại là sai lầm đáng sợ.

Nếu chúng ta đào tạo các nhà khoa học chỉ theo động cơ bên ngoài như vậy thì tại sao họ không theo logic tự nhiên, thay vì làm khoa học để trở thành nhân viên ngân hàng được trả lương cao?

- Reinhard Werner là Giáo sư Vật lý lý thuyết, Trường Đại học tổng hợp Leibniz ở Hanover (Đức).

- Bài viết này của ông đăng trong mục World View của tạp chí Nature. Link: <http://www.nature.com/news/the-focus-on-bibliometrics-makes-papers-less-useful-1.16706>

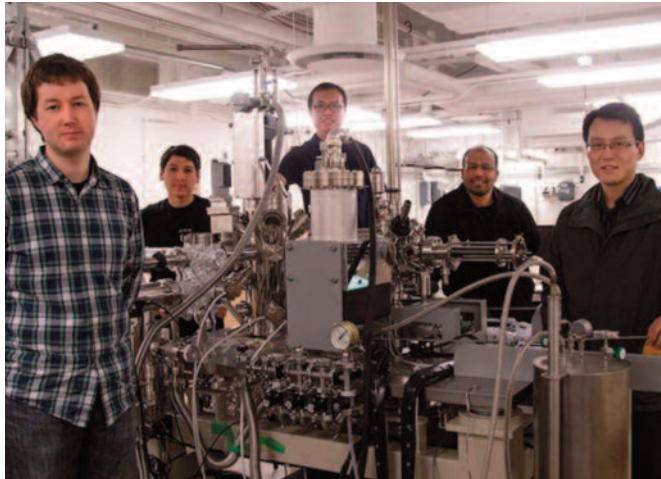
Người dịch: Trần Lan Anh, Trung tâm TTTL.

(xem tiếp theo trang 7)

Đã tìm thấy hạt Fermion Weyl không có khối lượng sau 85 năm

Nhóm các nhà khoa học quốc tế do Giáo sư M. Zahid Hasan, trường Đại học Princeton (Mỹ) phụ trách vừa tìm thấy hạt Fermion Weyl trên thực nghiệm và như vậy tiên đoán của nhà toán học và vật lý lý thuyết, Hermann Weyl (Đức) về sự tồn tại của loại hạt fermion không khối lượng này hơn 85 năm trước đây nay đã trở thành hiện thực [1].

Trong vật lý hạt, fermion là tên gọi chung cho các hạt



GS. M. Zahid Hasan (thứ hai từ bên phải) cùng với nhóm nghiên cứu đã phát hiện ra Fermion Weyl trong phòng thí nghiệm.

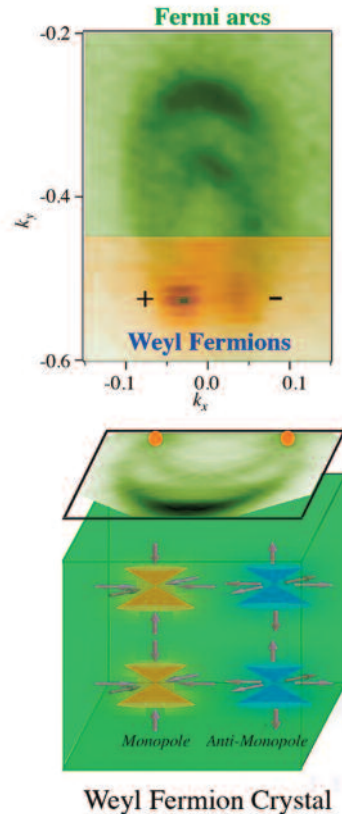
tuân theo thống kê Fermi-Dirac, ví dụ như điện tử, proton, neutron... Đối lập với fermion là các hạt boson tuân theo thống kê Bose-Einstein, ví dụ như photon. Các hạt fermion thường gắn liền với vật chất, do đó hầu hết các fermion quen thuộc đều có khối lượng.

Năm 1929, Hermann Weyl đã phát triển một lý thuyết về tương đối tính trong đó đã tiên đoán về sự tồn tại của loại hạt fermion không có khối lượng, được gọi là hạt Fermion Weyl. Điện tử có thể bị tách ra thành 2 hạt Fermion Weyl và ngược lại nó có thể được tạo thành từ 2 Fermion Weyl. Vì không có khối lượng nên Fermion Weyl có độ linh động cao và di chuyển bên trong các linh kiện nhanh hơn nhiều so với điện tử. Điện trong tinh thể với Fermion Weyl có thể chuyển động nhanh hơn gấp 2 lần so với trong graphene và gấp 1000 lần so với trong bán dẫn thông thường. Hướng spin của Fermion Weyl có thể cùng chiều hoặc ngược chiều với chuyển động của nó. Ngoài ra, Fermion Weyl còn có đặc tính khác biệt so với điện tử thông thường, đó là khi gặp vật cản, thay vì bị bật lại hay tán xạ ngược, thì nó có thể dễ dàng vượt qua chúng. Với những tính chất không bình thường như thế, Fermion Weyl hy vọng sẽ là nền tảng được sử dụng cho thế hệ thiết bị điện tử tiếp theo, nhanh hơn và hiệu quả hơn so với thiết bị dựa trên điện tử thông thường hiện nay.

Đến nay, sau hơn 85 năm tìm kiếm kể từ khi được tiên đoán, bằng chứng về sự tồn tại của Fermion Weyl đã được nhóm nghiên cứu của Hasan phát hiện thấy trong tinh thể tantalum arsenide (TaAs) và công bố trên tạp chí Science, ngày 16/7/2015 [2].

Để đi tới kết quả này, nhóm của GS. Hasan đã trực tiếp nghiên cứu giả thuyết lý thuyết cho rằng Fermion Weyl

chỉ có thể tồn tại như là giả hạt trong một số cấu trúc tinh thể đặc biệt, được gọi là chất bán kim loại Weyl. Theo ý tưởng đó, nhóm đã tiến hành mô phỏng bằng phương pháp nguyên lý ban đầu hàng chục cấu trúc tinh thể và cuối cùng đã tìm thấy tinh thể TaAs, có cấu trúc phù hợp với cấu trúc đặc tả theo lý thuyết để Fermion Weyl có thể trú ngụ trong đó. Kết quả lý thuyết này cũng đã được nhóm nghiên cứu công bố trước đó trong báo cáo đăng trên Nature Communication ngày 12/6/2015 [3].



Hình ảnh vòng cung Fermi và các nút Weyl (+), (-) thu được từ thực nghiệm cho thấy sự tồn tại của Fermion Weyl trong tinh thể TaAs.

Cuối cùng trên thực nghiệm, quả thật nhóm đã tìm thấy chất bán kim loại Weyl TaAs với sự hiện diện của Fermion Weyl. Sử dụng quang phổ phát xạ quang, nhóm đã quan sát được vòng cung Fermi (Fermi arc) trên bề mặt cũng như hình nón của Fermion Weyl và nút Weyl trong đơn tinh thể khối TaAs - những bằng chứng thực nghiệm rõ ràng nhất chứng minh cho sự tồn tại của Fermion Weyl. Phát hiện quan trọng này của nhóm sẽ mở đường cho việc nghiên cứu thực nghiệm Fermion Weyl trong vật lý và khoa học vật liệu, hứa hẹn thế hệ thiết bị điện tử mới trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

1. <http://www.princeton.edu/main/news/archive/S43/64/59M11/index.xml?section=topstories>
2. Su-Yang Xu et al., "Discovery of a Weyl Fermion semimetal and topological Fermi arcs", Science, July 16, 2015; DOI: 10.1126/science.aaa9297; <http://www.sciencemag.org/content/early/2015/07/15/science.aaa9297#xref-fn-1-1>
3. Shin-Ming Huang et al., A Weyl Fermion semimetal with surface Fermi arcs in the transition metal monpnictide TaAs class, Nature Communication 6, Article number: 7373; published online June 12, 2015; DOI:10.1038/ncomms8373; <http://www.nature.com/ncomms/2015/150612/ncomms8373/full/ncomms8373.html>

Công bố quốc tế và (Tiếp theo trang 5)

Ông Đỗ Tiến Dũng: Sức ép công bố quốc tế nếu quá lớn cũng có thể dẫn đến gian lận khoa học*

Để đảm bảo chất lượng các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, Nafosted yêu cầu các công trình phải công bố trên các "tạp chí ISI" (phương thức phân loại và xếp hạng tạp chí khoa học được thừa nhận và sử dụng rộng rãi khi bàn luận về chất lượng khoa học), đồng thời yêu cầu chủ nhiệm đề tài phải có công bố ISI trong khoảng thời gian không quá 5 năm nhằm đảm bảo người đứng đầu các dự án nghiên cứu đang thực sự thực hiện các nghiên cứu khoa học.

Nhưng cần thấy rằng việc đáp ứng yêu cầu về số lượng công bố trên tạp chí ISI không có nghĩa là các đề tài nghiên cứu được coi là hoàn thành kết quả nghiên cứu mà quyết định cuối cùng vẫn thuộc về Hội đồng khoa học và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn sau khi đánh giá các kết quả nghiên cứu so với mục tiêu đặt ra trong thuyết minh đề tài.

Đối với các ý kiến cho rằng yêu cầu công bố quốc tế đối với các đề tài khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên làm giảm các bài viết chất lượng đối với các tạp chí khoa học của Việt Nam, chúng tôi cho rằng với số lượng các công trình công bố từ các nhóm thực hiện đề tài của Quỹ 300-500 công trình đăng trên tạp chí ISI mỗi năm như hiện nay chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với số lượng các nhà khoa học trong nước, số lượng các công trình công bố hằng năm. Như vậy, khó có thể nói các công bố này ảnh hưởng đến chất lượng các tạp chí trong nước.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng ghi nhận thực tế là việc đòi hỏi công bố quốc tế cho các đề tài khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (KHTN) đã dẫn tới một số khó khăn, vướng mắc ngoài mong muốn, trong đó có những vấn đề mà một số nhà khoa học trong và ngoài nước đã lên tiếng, như xu hướng chia nhỏ các kết quả nghiên cứu để đảm bảo đủ bài ISI, dẫn đến thiếu các công trình thực sự chất

- Năm 2014, Việt Nam đã có 2.200 công bố quốc tế trên các tạp chí ISI, trong đó có những công bố quốc tế trên các tạp chí ISI hàng đầu thế giới.
- Với con số công bố quốc tế này, Việt Nam đã vươn lên, xếp ở vị trí thứ 4 trong khu vực ASEAN về công bố quốc tế, sau 3 nước Singapore, Malaysia, Thái Lan.

lượng, đòi hỏi nỗ lực công phu và thời gian nghiên cứu lâu dài của nhà khoa học. Sức ép công bố quốc tế nếu quá lớn cũng có thể dẫn đến gian lận khoa học. Đây là những vấn đề mà các nhà quản lý và giới khoa học sẽ phải cùng cân nhắc, tìm giải pháp thỏa đáng.

Ngoài ra, ở Việt Nam có thực tế là do yêu cầu có công bố quốc tế nên tỷ lệ không đạt khi nghiệm thu thường cao hơn so với các chương trình KH&CN khác, mà nếu áp dụng quy định hiện hành về xử lý đề tài không đạt của Bộ KH&CN dẫn đến việc hoàn lại kinh phí đối với các nghiên cứu thì sẽ chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và gây khó khăn cho nhà khoa học đã dành hết chi phí cho công tác nghiên cứu, thử nghiệm.

Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng những chuẩn mực về chất lượng đặt ra như hiện nay không phải là quá khắt khe. Bằng chứng là số các hồ sơ đăng ký và được tài trợ vẫn tăng bền vững giai đoạn 2010-2013. Chương trình nghiên cứu cơ bản trong KHTN chiếm trên 70% số lượng các đề tài và trên 60% kinh phí được cấp cho Quỹ trong giai đoạn. Các con số trên đây cho thấy tiêu chí đặt ra đối với chương trình là phù hợp, đảm bảo hỗ trợ được số lượng phù hợp các nhà khoa học (theo nguồn kinh phí được cấp của Quỹ) có trình độ, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng nghiên cứu của Việt Nam nói chung.

- Ông Đỗ Tiến Dũng là Giám đốc Quỹ Nafosted.
- Bài viết trên đã đăng trên tạp chí Tia sáng, link: <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&CategoryID=36&News=7134>
* Title của bài do BBT đặt.

Nguồn: Tia Sáng

Langbiang trở thành khu dự trữ sinh quyển của thế giới

Ngày 09/6/2015, Khu dự trữ sinh quyển Langbiang (Lâm Đồng) đã được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Để được công nhận danh hiệu quý giá này cần ghi nhận sự cố gắng rất nhiều của người dân địa phương, các ban, ngành, tổ chức có liên quan, và đặc biệt là sự nỗ lực của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm KHCNVN trong việc hoàn tất hồ sơ đệ trình lên UNESCO.

Trong khuôn khổ đề tài hợp tác giữa Viện Hàn lâm KHCNVN và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng "Xây dựng hồ sơ khu dự trữ sinh quyển thế giới Vườn Quốc gia Bidoup-Núi Bà", mã số VAST.NDP.13/13-14, thực hiện trong giai đoạn 2013-2014, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật đã cùng phối hợp hoàn tất hồ sơ, đệ trình lên UNESCO. Và tại kỳ họp thứ 27 của Hội đồng Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển của UNESCO vào ngày 09/6/2015, Langbiang đã chính thức được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Langbiang có diện tích 275.439 ha nằm ở phía Bắc tỉnh Lâm Đồng, được đặt tên theo ngọn núi Langbiang, bao gồm một vùng rừng nguyên sinh rộng lớn với vùng lõi là Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà, nơi được đánh giá là một trong bốn trung tâm đa dạng sinh học của Việt Nam. Các giá trị đa dạng sinh học nổi bật tại đây rất quan trọng và mang tính toàn cầu. Các nhà khoa học đã ghi nhận khu vực này có 153 loài động thực vật nằm trong sách đỏ Việt nam và 154 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN. Tổ chức bảo vệ động vật hoang dã thế giới (WWF) cũng xác định đây là khu vực ưu tiên bảo tồn số một trong Chương trình bảo tồn các dãy núi chính Nam Trường Sơn của Việt Nam.

Đây là Khu dự trữ sinh quyển thế giới đầu tiên tại miền đất Tây Nguyên hùng vĩ và là Khu dự trữ sinh quyển thế giới thứ 9 tại Việt Nam.

Nguồn: BTV tổng hợp.

Viện Hàn lâm KHCNVN tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4

Từ ngày 15-17/7/2015, Viện Hàn lâm KHCNVN đã phối hợp với Ban chỉ huy quân sự quận Cầu Giấy, Học viện Chính trị tổ chức Lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ đối tượng 4 trong toàn Viện. Khóa bồi dưỡng nhằm giáo dục sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta và các biện pháp phòng chống để các học viên nhận thức rõ trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng-an ninh.

Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ thăm và làm việc với Viện Hàn lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam

Chiều ngày 13/7/2015, nhân dịp kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, ông Frank A. Rose, trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách Kiểm soát, Kiểm tra và Tuân thủ các vấn đề vũ khí và đoàn đại biểu đã tới thăm và làm việc với Viện Hàn lâm KHCNVN và Trung tâm Vệ tinh Quốc gia. Tại buổi làm việc, GS.VS Châu Văn Minh bày tỏ mong muốn hai nước sẽ sớm có những hoạt động cụ thể nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực công nghệ vũ trụ như ký kết "Hiệp định khung giữa Mỹ và Việt Nam về hợp tác trong việc sử dụng không gian vì hòa bình" và "Chương trình học tập và quan sát toàn cầu nhằm đem lại lợi ích cho môi trường GLOBE".

Tăng cường hợp tác với đoàn doanh nghiệp các nước Israel và Tây Ban Nha

Ngày 30/6/2015, đoàn đại biểu doanh nghiệp Israel và Tây Ban Nha đã đến thăm và làm việc với Viện Hàn lâm KHCNVN tại văn phòng Trung tâm Vệ tinh Quốc gia. Các bên đã trao đổi các cơ hội hợp tác về các giải pháp công nghệ, tích hợp hệ thống trong lĩnh vực vũ trụ, năng lượng tái tạo... Tại buổi làm việc, GS.VS Châu Văn Minh, chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN bày tỏ mong muốn quan hệ hợp tác giữa Viện Hàn lâm và các doanh nghiệp Israel và Tây Ban Nha sẽ phát triển tốt đẹp trong tương lai.

Lễ tuyên dương, khen thưởng các cháu học sinh giỏi đoạt giải các cấp năm học 2014-2015

Sáng ngày 17/7/2015, Ban Chấp hành Công đoàn Viện Hàn lâm KHCNVN đã tổ chức Lễ tuyên dương, khen thưởng cho các cháu học sinh giỏi là con cán bộ, viên chức thuộc Viện Hàn lâm đoạt giải các cấp năm học 2014-2015. Đây là một việc làm có ý nghĩa nhằm khơi dậy tinh thần hiếu học, phấn đấu rèn luyện về mọi mặt của các cháu học sinh, biểu dương những tấm gương tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong học tập, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Viện Hàn lâm đối với thế hệ tương lai của đất nước.

Hội thảo khoa học quốc tế "Quản lý cơ sở dữ liệu mạng trạm địa chấn"

Từ ngày 09/9/2015-17/9/2015, Viện Vật lý Địa cầu (ISP) phối hợp với Cơ quan nghiên cứu địa chấn Hoa Kỳ (Incorporated Research Institutions for Seismology – IRIS) tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế "Quản lý cơ sở dữ liệu mạng trạm địa chấn" tại Hà Nội. Tham dự Hội thảo gồm có các học viên đến từ 20 quốc gia thuộc Châu Á và một số quốc gia lân cận, sẽ có 9 bài giảng, thực hành từ 08 chuyên gia địa chấn đến từ Hoa Kỳ và Đức. Thông tin chi tiết xem tại <http://igp-vast.vn/>.

Nguồn: BTV tổng hợp.

CÔNG BỐ MỚI

VIỆN NGHIÊN CỨU HỆ GIEN

1. Thuy Thi Bich Vo, Phong Van Nguyen, Ha Thi Thu Duong, Ton Dang Nguyen, Hue Thi Thu Huynh, Hai Van Nong, Potential effect of combined xenoestrogens during gestation stages on mouse offspring. *Journal of Environment Biology*, 36(2):337-334 (2015).
2. Xuan NT, Wang X, Nishanth G, Waisman A, Borucki K, Isermann B, Naumann M, Deckert M, Schluter D. A20 expression in dendritic cells protects against LPS-induced mortality. *European Journal of Immunology*, 45 (3): 818-828 (2015).
3. Minh Ngoc Nghiem, Bac Van Nguyen, Son Thai Nguyen, Thuy Thi Bich Vo, Hai Van Nong. "A simple, single triplex PCR of IS6110, IS1081 and 23S ribosomal DNA targets developed for rapid detection and discrimination of mycobacterium from clinical samples, *Journal of Microbiology and Biotechnology*, 25(5): 750-757 (2015).

VIỆN VẬT LÝ

1. M. Chung Nguyen, V. Hung Nguyen, Huy-Viet Nguyen, J. Saint-Martin, and P. Dollfus. Enhanced Seebeck effect in graphene devices by strain and doping engineering. *Physica E* 73, 207 (2015).
2. V.Hung Nguyen and P Dollfus. Strain-induced modulation of Dirac cones and van Hove singularities in a twisted graphene bilayer. *2D Materials* 2, 035005 (2015).

VIỆN TOÁN HỌC

1. Hong Ngoc Binh, Ngo Viet Trung, The Bhattacharya function of complete monomial ideals in two variables, *Communications in Algebra*, 43, 2875-2886 (2015).
2. Kevin Perrot, Pham Van Trung, Feedback arc set problem and NP-hardness of minimum recurrent configuration problem of Chip-firing game on directed graphs. *Annals of Combinatorics*, 19, 373-396 (2015).
3. Do Ngoc Diep, Do Thi Phuong Quynh, Automorphic representations of SL(2,R) and quantization of fields, *American Research Journal of Mathematics*, 1, 25-37 (2015).

Nguồn: math.ac.vn; igr.ac.vn; iop.vast.vn